BỘ CÔNG THƯƠNG -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 31/2026/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

2. Sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường không thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 1 Điều này do thương nhân tự nguyện thực hiện truy xuất nguồn gốc theo quy định của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thương nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. Người tiêu dùng.

3. Cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hàng hóa lưu thông trên thị trường* là sản phẩm, hàng hóa được đưa ra thị trường để thực hiện các hoạt động trưng bày, khuyến mại, vận chuyển, bảo quản, lưu giữ và mua bán, bao gồm cả việc mua bán trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử; không bao gồm hàng hóa đang trong quá trình vận chuyển từ cửa khẩu về kho lưu giữ đầu tiên và lưu giữ tại kho này đối với hàng nhập khẩu, cũng như hàng hóa xuất khẩu quay trở lại từ cửa khẩu về kho lưu giữ.

2. *Mã định danh sản phẩm* là mã số hoặc mã ký hiệu duy nhất được tạo lập trên cơ sở thông tin do thương nhân cung cấp, gắn với một hoặc một nhóm sản phẩm cụ thể, nhằm nhận diện và xác thực thông tin về sản phẩm, phục vụ quản trị và vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương.

3. *Giao diện kết nối dữ liệu ứng dụng (Application Programming Interface - API)* là tập hợp các quy tắc và chuẩn kỹ thuật cho phép các hệ thống phần mềm khác nhau trao đổi dữ liệu tự động, bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn và an toàn của dữ liệu trong quá trình kết nối.

4. *Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương* là hệ thống bao gồm hoạt động định danh kiểu loại, lô hoặc một đơn vị sản phẩm, hàng hóa, thu thập, lưu trữ và chia sẻ thông tin về sản phẩm, hàng hóa theo thời gian, địa điểm nhằm quản lý thông tin về chất lượng và an toàn của sản phẩm, hàng hóa, do Bộ Công Thương xây dựng và vận hành.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Bắt buộc áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

b) Khuyến khích áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa khác do thương nhân tự nguyện thực hiện truy xuất nguồn gốc.

2. Thương nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Điều 1 lựa chọn khai báo trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương hoặc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này. Hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ của thương nhân phải kết nối với Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương.

3. Bảo đảm các quy định về bảo mật thông tin, an ninh mạng trong quá trình thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và kết nối, chia sẻ giữa các bên.

Chương II

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 5. Yêu cầu đối với việc định danh sản phẩm

1. Thương nhân khi thực hiện khai báo định danh sản phẩm có trách nhiệm khai báo tối thiểu các thông tin sau đây:

a) Tên doanh nghiệp;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương;

c) Tên và hình ảnh sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sở hữu;

d) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của hàng hóa hoặc hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ (nếu có);

đ) Chữ ký số của doanh nghiệp.

2. Việc định danh sản phẩm được thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

Điều 6. Yêu cầu đối với việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

1. Thương nhân khi thực hiện khai báo truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa lưu thông trong nước có trách nhiệm khai báo tối thiểu các thông tin sau đây:

a) Tên sản phẩm, hàng hóa;

b) Xuất xứ sản phẩm, hàng hóa;

c) Hình ảnh sản phẩm, hàng hóa;

d) Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh;

đ) Địa chỉ đơn vị sản xuất, kinh doanh;

e) Mã truy xuất nguồn gốc (nếu có);

g) Các sự kiện theo dõi trọng yếu và thời gian diễn ra sự kiện trong chuỗi cung ứng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12850 hoặc tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc toàn cầu của GS1 (GS1 Global Traceability Standard);

h) Thương hiệu, nhãn hiệu, số lô/mẻ hoặc số sê-ri sản phẩm, hàng hóa (nếu có);

i) Hạn sử dụng của sản phẩm, hàng hóa (nếu có);

k) Các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn cơ sở được áp dụng.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu, ngoài các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, thương nhân phải khai báo thêm các thông tin sau đây:

a) Tên, địa chỉ, mã số thuế của đơn vị nhập khẩu;

b) Thông tin về nhà phân phối chính thức tại Việt Nam (nếu có).

3. Sản phẩm, hàng hóa được khai báo truy xuất trên Hệ thống truy xuất nội bộ của thương nhân và/hoặc cập nhật thông tin trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương trước khi đưa vào lưu thông trên thị trường.

4. Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

Điều 7. Quyền tiếp cận thông tin của người tiêu dùng

1. Người tiêu dùng được tra cứu, tiếp cận miễn phí các thông tin cơ bản về sản phẩm, hàng hóa thông qua Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương, bao gồm:

a) Tên sản phẩm, hàng hóa;

b) Xuất xứ sản phẩm, hàng hóa;

c) Hình ảnh sản phẩm, hàng hóa;

d) Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh;

đ) Địa chỉ đơn vị sản xuất, kinh doanh;

e) Thương hiệu, nhãn hiệu, số lô/mẻ hoặc số sê-ri của sản phẩm, hàng hóa (nếu có);

g) Hạn sử dụng của sản phẩm, hàng hóa (nếu có).

2. Người tiêu dùng có quyền phản ánh về tính xác thực của thông tin hiển thị trên hệ thống đến Bộ Công Thương hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Điều 8. Quy định lưu trữ hồ sơ, dữ liệu truy xuất nguồn gốc

1. Dữ liệu truy xuất phải được lưu giữ trong thời hạn tối thiểu 12 tháng đối với hàng hóa có hạn sử dụng, tính từ thời điểm hàng hóa hết hạn sử dụng; và 60 tháng đối với hàng hóa không có hạn sử dụng.

2. Dữ liệu lưu giữ trong hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ của thương nhân phải được kết nối, chia sẻ với Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương, bảo đảm tính toàn vẹn, có cơ chế kiểm soát thay đổi và ghi nhận lịch sử cập nhật, sẵn sàng cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

3. Hồ sơ, dữ liệu truy xuất nguồn gốc phải được lưu trữ bằng phương tiện điện tử, đảm bảo an toàn, bảo mật, toàn vẹn dữ liệu và phải dễ dàng truy cập, trích xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi cần thực hiện truy xuất.

Điều 9. Yêu cầu đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ của thương nhân

1. Hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ của thương nhân phải đảm bảo quy định tại Điều 23 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

2. Hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ của thương nhân phải có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương qua Giao diện kết nối dữ liệu ứng dụng API.

3. Yêu cầu bảo mật và toàn vẹn dữ liệu: Hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ phải lưu giữ và truyền dữ liệu theo cách thức bảo đảm an toàn, không bị thay đổi, sai lệch; có cơ chế ghi nhận nhật ký để phục vụ kiểm tra, truy vết.

4. Khả năng truy xuất và cung cấp dữ liệu: Thương nhân phải bảo đảm hệ thống có thể truy xuất và cung cấp dữ liệu trong thời gian 24 tiếng kể từ khi có yêu cầu của Bộ Công Thương hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Hình thức cung cấp dữ liệu được quy định tại văn bản yêu cầu của Bộ Công Thương hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC HÀNG HÓA CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Điều 10. Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương

1. Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương được vận hành tập trung tại địa chỉ https://verigoods.vn. Hệ thống thực hiện việc tiếp nhận, ghi nhận, lưu trữ và quản lý dữ liệu

truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa do thương nhân cập nhật; đồng thời tạo lập mã phục vụ hiển thị, tra cứu và liên kết dữ liệu.

2. Thương nhân thực hiện việc tạo lập tài khoản và cập nhật thông tin trên Hệ thống theo các tính năng, trường dữ liệu và hướng dẫn kỹ thuật do Hệ thống cung cấp.

3. Bộ Công Thương quản lý, vận hành Hệ thống; thực hiện kiểm tra trong quá trình vận hành Hệ thống đối với tính đầy đủ và sự phù hợp về mặt kỹ thuật của dữ liệu được ghi nhận; tạm dừng hiệu lực mã truy xuất trên Hệ thống theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

4. Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương bảo đảm khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Điều 11. Quản lý và sử dụng mã định danh, mã truy xuất nguồn gốc

1. Thương nhân chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng mã đúng mục đích và gắn mã trên vật mang dữ liệu theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm, rủi ro mất an toàn hoặc có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bộ Công Thương thực hiện việc rà soát thông tin trên Hệ thống.

Trường hợp dấu hiệu vi phạm phát sinh từ phản ánh của tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương thông báo để thương nhân có ý kiến giải trình, làm rõ trong thời hạn 24 tiếng, trừ trường hợp cần áp dụng ngay biện pháp tạm dừng hiển thị thông tin truy xuất nguồn gốc để phòng ngừa rủi ro, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Việc tạm dừng hiển thị thông tin truy xuất nguồn gốc được thực hiện trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương và được khôi phục sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bộ Công Thương thực hiện hủy xác nhận hiển thị thông tin truy xuất nguồn gốc trên Hệ thống trong các trường hợp sau đây:

a) Thương nhân cung cấp thông tin truy xuất nguồn gốc không chính xác, không trung thực hoặc có hành vi làm sai lệch bản chất thông tin về sản phẩm, hàng hóa;

b) Không duy trì, cập nhật đầy đủ, liên tục dữ liệu truy xuất nguồn gốc theo quy định của Thông tư này;

c) Có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm, hàng hóa gắn với thông tin truy xuất nguồn gốc;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu khắc phục vi phạm trong thời hạn do Bộ Công Thương thông báo.

Điều 12. Quy định về vật mang dữ liệu

1. Mã định danh sản phẩm, mã truy xuất nguồn gốc được in hoặc gắn lên vật mang dữ liệu truy xuất nguồn gốc và thể hiện trực tiếp trên hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa thông qua việc dán, in, đính, đúc, chạm, khắc hoặc các hình thức phù hợp khác.

2. Việc sử dụng vật mang dữ liệu phải bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13275:2020 Truy xuất nguồn gốc - Định dạng vật mang dữ liệu.

3. Thương nhân được lựa chọn hình thức thể hiện vật mang dữ liệu phù hợp với đặc tính hàng hóa, nhưng phải bảo đảm khả năng nhận diện và tra cứu thông tin truy xuất nguồn gốc.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của thương nhân thuộc đối tượng thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

1. Thương nhân được lựa chọn một trong các phương thức sau để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa:

a) Xây dựng và vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu theo quy định, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương;

b) Cập nhật, khai báo thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương theo hướng dẫn kỹ thuật do Hệ thống cung cấp.

2. Thiết lập, duy trì và vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ đối với các sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu bảo đảm yêu cầu theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Thực hiện khai báo, cập nhật thông tin lên Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương; đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều với Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa được quy định tại Thông tư này.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm thực hiện truy xuất theo từng nhóm đối tượng

a) Đối với thương nhân thuộc đối tượng bắt buộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư này: Thương nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc trước khi đưa sản phẩm, hàng hóa vào lưu thông trên thị trường.

b) Đối với thương nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc trên cơ sở tự nguyện: khuyến khích thương nhân thực hiện đầy đủ việc truy xuất nguồn gốc theo các quy định tại Thông tư này.

7. Thực hiện việc in hoặc gắn mã truy xuất nguồn gốc lên vật mang dữ liệu và thể hiện trên sản phẩm, bao bì sản phẩm theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

8. Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và toàn vẹn của dữ liệu truy xuất; chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ thông tin đã khai báo và việc sử dụng mã truy xuất nguồn gốc.

9. Có trách nhiệm yêu cầu và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo mật, an toàn thông tin khi sử dụng dịch vụ cung cấp giải pháp công nghệ của bên thứ ba; bảo đảm việc thu thập, lưu trữ, truyền nhận dữ liệu truy xuất nguồn gốc theo đúng thỏa thuận và yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống.

10. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, xác minh thông tin sản phẩm, hàng hóa và thông tin liên quan khi có yêu cầu.

11. Thương nhân thực hiện các trách nhiệm khác về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Chính sách khuyến khích áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

1. Thương nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở tự nguyện theo quy định của Thông tư này được hưởng các chính sách khuyến khích sau đây:

a) Được gắn tích xanh hiển thị việc tự nguyện áp dụng truy xuất nguồn gốc, được sử dụng tích xanh trên sản phẩm, bao bì, tài liệu giới thiệu sản phẩm và trên các nền tảng thương mại điện tử, trong thời hạn tích xanh còn hiệu lực.

Tích xanh được hiển thị gắn với thông tin truy xuất nguồn gốc; không thay thế các chứng nhận chất lượng, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy hoặc xác nhận sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật; tích xanh không được hiển thị khi thông tin truy xuất nguồn gốc không đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

b) Được ưu tiên hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn liên quan đến việc kết nối với Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương.

c) Được tuyên truyền, quảng bá về việc áp dụng truy xuất nguồn gốc trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trong hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm, hàng hóa do Bộ Công Thương tổ chức.

2. Bộ Công Thương xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ thương nhân trong việc thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

a) Tổ chức hướng dẫn, triển khai, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này;

b) Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành và phát triển Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương đảm bảo liên thông, đồng bộ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia;

c) Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ thương nhân và các đơn vị liên quan trong việc sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

đ) Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm liên quan đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật;

g) Chủ trì, tổ chức nghiên cứu, đề xuất xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phục vụ công tác quản lý nhà nước trong phạm vi ngành Công Thương.

2. Các đơn vị thuộc Bộ

a) Phối hợp với Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định về truy xuất nguồn gốc hàng hóa đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

b) Phối hợp với Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về truy xuất nguồn gốc, phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này và các văn bản hướng dẫn liên quan tại địa phương.

2. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn về truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Hỗ trợ cung cấp thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp trong quá trình thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa (nếu có).

3. Chỉ đạo các lực lượng chức năng trên địa bàn kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm liên quan đến truy xuất nguồn gốc hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

Thương nhân đã xây dựng và vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục áp dụng. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2027, các thương nhân thực hiện rà soát, cập nhật và bổ sung các yêu cầu về định danh, cấu trúc dữ liệu và khả năng kết nối để bảo đảm hệ thống tương thích với Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Bộ Công Thương.

Điều 18. Lộ trình áp dụng

1. Giai đoạn 1: Định danh sản phẩm

Từ ngày Thông tư có hiệu lực, thương nhân thực hiện đăng ký tài khoản, nhận mã định danh sản phẩm và xác thực thông tin đối với sản phẩm.

2. Giai đoạn 2: Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, thương nhân thực hiện đầy đủ việc truy xuất nguồn gốc trước khi đưa sản phẩm, hàng hóa vào lưu thông trên thị trường.

3. Thương nhân thành lập mới hoặc bắt đầu sản xuất, kinh doanh sau ngày 01 tháng 01 năm 2027 phải thực hiện đầy đủ quy định về truy xuất nguồn gốc theo Thông tư này ngay khi bắt đầu hoạt động.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới đó./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ trưởng;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cổng báo VPCP;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;

- Lưu: VT, TTTN.